

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HỒNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST  
Ngày: 29-9-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tựu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Văn Sinh;

Bà Bùi Thị Lý.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Văn D, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp C, xã R, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1/ Lý Thanh T, sinh năm 1981;

2/ Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1986.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lý Thanh T: Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã R, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

*(Ông Lê Văn D và chị Phạm Thị Thùy D đều có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:****Lời trình bày của nguyên đơn Lê Văn D:**

Vào ngày 12-3-2019 âm lịch nhằm ngày 16-4-2019 dương lịch, vợ chồng anh Lý Thanh T và chị Phạm Thị Thùy D có vay của ông Lê Văn D số tiền 200.000.000 đồng để nuôi cá tra, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, có lập biên nhận do vợ chồng anh T và chị D cùng ký tên. Từ khi vay đến nay vợ chồng anh T, chị D chỉ trả cho ông D được 02 tháng tiền lãi với số tiền là 12.000.000 đồng. Sau đó vợ chồng anh T, chị D không trả cho ông D số tiền nào nữa mặc dù ông D có nhiều lần đến nhà anh T, chị D để đòi nợ nên ông D mới khởi kiện đến Tòa án. Khi khởi kiện ông D yêu cầu vợ chồng anh T và chị D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông D số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,67%/tháng tính từ ngày 16-6-2019 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa ông D thống nhất căn trừ số tiền lãi 12.000.000 đồng chị D và anh T đã trả vào số tiền vay gốc 200.000.000 đồng nên chỉ yêu cầu anh T, chị D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông D số tiền vay gốc còn lại là 188.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Còn đối với số tiền 200.000.000 đồng vay trả góp như chị D trình bày là số tiền khác, số tiền vay trả góp do một mình chị D vay riêng cùng ngày 12-3-2019 âm lịch, chị D đã góp được 18 lần, mỗi lần góp 10.000.000 đồng, tổng số tiền góp là 180.000.000 đồng. Số tiền vay trả góp như chị D trình bày không có liên quan đến số tiền vay 200.000.000 đồng mà ông D khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị D, anh T trả trong vụ án này.

**Lời trình bày của bị đơn Phạm Thị Thùy D đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lý Thanh T:**

Chị D thừa nhận vào ngày 12-3-2019 âm lịch (nhằm ngày 16-4-2019 dương lịch) vợ chồng chị D, anh T có vay của ông D số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay để nuôi cá tra. Số tiền 200.000.000 đồng nêu trên vợ chồng chị D, anh T vay với hình thức vay trả góp, mỗi lần góp 10.000.000 đồng, mỗi tháng góp 03 lần vào các ngày mùng 02, 12, và 22 âm lịch hàng tháng, tổng cộng phải góp 36 lần, tổng số tiền phải góp là 360.000.000 đồng. Sau khi vay vợ chồng chị D, anh T đã góp cho ông D được 18 lần với số tiền là 180.000.000 đồng. Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông D thì chị D (đồng thời đại diện cho ý kiến anh T) chỉ đồng ý trả cho ông D số tiền nợ vay gốc còn lại là 20.000.000 đồng và đồng ý chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay tiền (ngày 12-3-2019 âm lịch) đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Chị D cho rằng việc chị D ký nhận sổ góp số tiền 200.000.000 đồng cùng ngày 12-3-2019 âm lịch là để diễn giải cho việc trả số tiền nợ vay trong biên nhận vay số tiền 200.000.000 đồng mà vợ chồng chị D, anh T cùng ký vào ngày 12-3-2019 âm lịch là trả với hình thức trả góp chứ không phải là biên nhận vay tiền.

### **Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào biên nhận mượn tiền ngày 12-3-2019 âm lịch là biên nhận (bản gốc) do ông D cung cấp cho Tòa án khi gửi đơn khởi kiện tại Tòa án, tại phiên tòa chị D là bị đơn trong vụ án đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lý Thanh T đã xác nhận rằng chữ ký và chữ viết ghi họ tên của người mượn tiền là của chị D, anh T, như vậy việc ông D cho chị D, anh T vay tiền là có thật. Nhưng chị D, anh T cho rằng đây là số tiền vay góp và đã góp được cho ông D số tiền 180.000.000 đồng nhưng không được ông D đồng ý, phía chị D cũng không đưa ra được chứng cứ xác thực để chứng minh số tiền vay 200.000.000 đồng là tiền góp.

Để chứng minh đã trả được một phần tiền vay cho ông D, chị D có cung cấp cho Tòa án bản photo các đoạn hội thoại qua tin nhắn điện thoại (được đánh số bút lục từ 13 đến 18 có trong hồ sơ vụ án), nhưng tài liệu này đều là bản photo và không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nên không được xem là tài liệu, chứng cứ hợp pháp trong vụ án theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ông D trình bày phía bị đơn có trả được cho ông D 12.000.000 đồng tiền lãi, nay ông D đồng ý trừ số tiền trả lãi 12.000.000 đồng vào số tiền vay gốc 200.000.000 đồng, do vậy ông D chỉ yêu cầu chị D và anh T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn thiếu gốc là 188.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét yêu cầu của ông D là có lợi cho phía bị đơn và phù hợp pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vào ngày 29-4-2020, nguyên đơn gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng đối với bị đơn, xét thấy nguyên đơn có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các điều 186, 188, 189, 190 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc khởi kiện của nguyên đơn là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết vào ngày 07-5-2020 là phù hợp theo quy định tại các điều 5, 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên

định chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại các điều 217, 218, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Lê Văn D khởi kiện yêu cầu anh Lý Thanh T và chị Phạm Thị Thùy D có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ vay và xuất trình được biên nhận vay ngày 12-3-2019 âm lịch (nhằm ngày 16-4-2019 dương lịch) với số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng, mục đích anh T, chị D vay tiền là để nuôi cá tra, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, có lập biên nhận do vợ chồng anh T và chị D cùng ký tên.

Anh T và chị D thừa nhận có vay số tiền như trong biên nhận nêu trên nhưng cho rằng tiền số tiền đó vay với hình thức trả góp, mỗi lần góp 10.000.000 đồng, mỗi tháng góp 03 lần vào các ngày mùng 02, 12, và 22 âm lịch hàng tháng, tổng cộng phải góp 36 lần, tổng số tiền phải góp là 360.000.000 đồng. Sau khi vay thì vợ chồng anh T, chị D đã góp cho ông D được 18 lần với số tiền là 180.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại ông D số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng. Nay qua yêu cầu của ông D thì anh T và chị D chỉ đồng ý trả cho ông D số tiền nợ vay gốc còn lại là 20.000.000 đồng và đồng ý chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay tiền (ngày 12-3-2019 âm lịch) đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Ông D không thống nhất với trình bày chị D vì cho rằng số tiền 200.000.000 đồng vay trả góp như chị D trình bày là số tiền khác, số tiền vay trả góp do một mình chị D vay riêng cùng ngày 12-3-2019 âm lịch (có ký biên nhận hẳn hoi), chị D đã góp được 18 lần, mỗi lần góp 10.000.000 đồng, tổng số tiền đã góp là 180.000.000 đồng và số tiền vay góp như chị D trình bày không có liên quan đến số tiền vay 200.000.000 đồng mà ông D khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T, chị D trả trong vụ án này.

Xét thấy, chị D cho rằng việc chị D ký nhận sổ góp số tiền 200.000.000 đồng cùng ngày 12-3-2019 âm lịch là để diễn giải cho việc trả số tiền nợ vay trong biên nhận vay số tiền 200.000.000 đồng mà vợ chồng chị D, anh T cùng ký vào ngày 12-3-2019 âm lịch là trả với hình thức trả góp chứ không phải là biên nhận vay tiền nhưng chị D không có chứng cứ gì chứng minh cho lý lẽ mà chị D đưa ra (chứng minh số tiền vay ký nhận trong 02 biên nhận là một). Từ những phân tích trên chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của ông D, buộc anh T và chị D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông D số tiền nợ vay gốc còn lại là 188.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu đồng), không có lãi là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”, trong vụ án này các bị đơn Lý Thanh T, Phạm Thị Thùy D có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 188.000.000 đồng nên phải có nghĩa vụ liên đới chịu 5% x 188.000.000

đồng = 9.400.000 đồng án phí; Nguyên đơn Lê Văn D không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.835.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2018/0008581 ngày 07-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 103, 288, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 217, 218, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Lê Văn D.

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn Lê Văn D về việc không yêu cầu các bị đơn Lý Thanh T, Phạm Thị Thùy D trả tiền lãi.

Buộc anh Lý Thanh T và chị Phạm Thị Thùy D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Văn D số tiền nợ vay gốc còn lại là 188.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu đồng), không có lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành án xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lý Thanh T và chị Phạm Thị Thùy D có nghĩa vụ liên đới chịu 9.400.000 đồng (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí.

Ông Lê Văn D không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho ông Lê Văn D 5.835.000 đồng (Năm triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: BH/2018/0008581 ngày 07-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29-9-2020).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Văn Tựu**